

Bản án số: 36/2021/HNGĐ - ST.

Ngày: 24 – 9 - 2021.

V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG PHÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hoàng Bảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Thanh Điền.

Ông Nguyễn Hồng Được.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hiệp Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lê Hồng Như - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 317/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Huỳnh Hoàng N, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hoàng H, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ngày 12/11/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng N trình bày:

Nguyên vào năm 2002 ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến tháng 3/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Do mâu thuẫn trầm trọng nên ông, bà sống ly thân từ tháng 4/2017 đến nay. Trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 03/4/2003 và Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011

hiện nay các con chung đang sống với ông N. Quá trình chung sống ông, bà không có tài sản chung và nợ chung.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt, ngày 20 tháng 9 năm 2021 ông Huỳnh Hoàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu theo nội dung đơn khởi kiện, cụ thể: Về hôn nhân xin được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng H; về con chung: Xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011 đến khi thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con chung; đối với Huỳnh Hoàng D hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết; về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản lấy lời khai ngày 07 tháng 6 năm 2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H trình bày:* Nguyên vào năm 2002 bà và ông Huỳnh Hoàng N tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu sau khi kết hôn ông, bà chung sống hạnh phúc nhưng sau đó đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, đời sống vợ chồng không hạnh phúc. Tuy nhiên, dù mâu thuẫn và vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nhưng bà và ông N vẫn sống chung nhà. Trong thời gian chung sống bà và ông N có 02 người con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 03/4/2003 và Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011, hiện nay các con chung đang sống chung nhà với bà và ông N. Quá trình chung sống bà và ông N có tạo lập được một số tài sản chung, cụ thể phần đất và căn nhà gắn liền với đất, tọa lạc tại Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và các vật dụng trong gia đình, bà sẽ liệt kê và yêu cầu cụ thể về tài sản chung sau; Nợ chung thống nhất không có đúng như lời trình bày của ông N.

Bà Nguyễn Thị Hoàng H có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Hoàng N như sau:

- Về hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với ông Huỳnh Hoàng N vì giữa mâu thuẫn vợ chồng giữa bà và ông N chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn.

- Về con chung: Thống nhất giao con chung là Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011 cho ông Huỳnh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, bà H cấp dưỡng nuôi con; đối với Huỳnh Hoàng D hiện đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà sẽ liệt kê cụ thể và sẽ làm thủ tục yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung sau.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Huỳnh Hoàng N.

+ Về con chung: Giao con chung là Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011 cho ông Huỳnh Hoàng N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu M, bà Nguyễn Thị Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông N không yêu cầu. Đối với Huỳnh Hoàng D hiện đã trưởng thành, ông N và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

+ Về tài sản chung: Do ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H không có yêu cầu giải quyết trong vụ án nên không đặt ra xem xét.

+ Về nợ chung: Ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H xác định trong thời gian chung sống không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Thủ tục tố tụng: Tranh chấp ly hôn, con chung giữa nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; bị đơn bà H có nơi cư trú tại Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Long Phú thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định pháp luật về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách của người tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và ông N có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H có đăng ký kết hôn vào ngày 02/02/2009 tại Ủy ban nhân dân xã Châu Khánh, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Hôn nhân của ông N và bà H tuân thủ các quy

định của Luật Hôn nhân và gia đình nên pháp luật công nhận quan hệ hôn nhân giữa ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H là hợp pháp. Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12/11/2020, ý kiến trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 20/9/2021 nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng H với lý do trong quá trình chung sống do hai bên bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, thường xuyên cãi nhau, dẫn đến mâu thuẫn gay gắt, đời sống hôn nhân không hạnh phúc và ông, bà đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà H xác định mặc dù mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, chưa hàn gắn được nhưng bà không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông N vì bà nhận thấy mâu thuẫn giữa bà và ông N chưa đến mức phải ly hôn. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án ông N và bà H xác định từ khi ông N chính thức xin ly hôn đến nay hai bên không tìm biện pháp nào để giải quyết mâu thuẫn, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa ông N và bà H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Huỳnh Hoàng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng H.

[3]. Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng N và bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H thống nhất xác định trong thời gian chung sống ông, bà có 02 người con chung tên Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 03/4/2003 và Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011, hiện nay các người con chung đang sống chung với ông N và bà H. Trong quá trình giải quyết vụ án ông N xin được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011 đến khi thành niên, không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con; đối với Huỳnh Hoàng D, sinh ngày 03/4/2003 hiện đã trưởng thành, đã tự chăm lo cho bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế hiện nay cháu M vẫn đang trực tiếp chung sống chung nhà với ông N, cuộc sống của cháu M đã ổn định về mọi mặt; việc thay đổi điều kiện, hoàn cảnh sống sẽ làm ảnh hưởng đến tâm lý, tình cảm, sự phát triển bình thường về mọi mặt của cháu M; bà H cũng thống nhất giao cháu M cho ông N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu M thì nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với ông N. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu M, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải giao cháu M cho ông N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Hoàng N không có yêu cầu bà Nguyễn Thị Hoàng H cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Ngoài ra căn cứ vào khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Nguyễn Thị Hoàng H mà không ai được ngăn cản.

[4]. Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Nguyên đơn ông Huỳnh Hoàng N xác định ông và bà H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; bị đơn bà Nguyễn Thị Hoàng H xác định bà và ông N có tạo lập được tài sản chung, cụ thể phần đất và căn nhà gắn liền với đất, tọa lạc tại Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng và các vật dụng trong gia đình, bà

sẽ liệt kê và yêu cầu cụ thể về tài sản chung sau, tuy nhiên hiện nay bà và ông N vẫn chưa thỏa thuận được nên bà yêu cầu Tòa án đưa ra xem xét giải quyết chia toàn bộ tài sản chung cho bà. Xét thấy, mặc dù Tòa án có thông báo về việc nếu bà H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung thì phải thực hiện thủ tục phản tố theo quy định tuy nhiên bà H không thực hiện, cụ thể: Tại biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2021 bà H trình bày: “...Trong thời gian chung sống tôi và ông N có tạo lập được một số tài sản chung là phần đất và căn nhà trên đất, tọa lạc tại Ấp N, xã C, huyện L, tỉnh Sóc Trăng loại nhà cấp 4, xây tường và các vật dụng trong gia đình, tôi sẽ liệt kê và có yêu cầu cụ thể sau”. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét về tài sản chung trong vụ án này. Trường hợp sau khi ly hôn ông N và bà H phát sinh tranh chấp về tài sản chung thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung bằng một vụ án khác.

[5]. Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án ông Huỳnh Hoàng N và bà Nguyễn Thị Hoàng H thống nhất xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. Về án phí: Ông Huỳnh Hoàng N phải chịu án phí theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Bà Nguyễn Thị Hoàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[7]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Phú về đề nghị giải quyết về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Ông Huỳnh Hoàng N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hoàng H.

2. Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Giao cháu Huỳnh Văn M, sinh ngày 02/5/2011 cho ông Huỳnh Hoàng N được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng đến khi đủ 18 (Mười tám) tuổi; bà Nguyễn Thị Hoàng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do ông N không yêu cầu. Dành quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung cho bà Nguyễn Thị Hoàng H mà không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Ông Huỳnh Hoàng N bà Nguyễn Thị Hoàng H không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Ông Huỳnh Hoàng N bà Nguyễn Thị Hoàng H xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Hoàng N phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí xin ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0007292 ngày 16/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, ông N đã nộp xong tiền án phí. Bà Nguyễn Thị Hoàng H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định pháp luật.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- UBND xã C;
- Chi cục T.H.A DS huyện L;
- Lưu (HS, VP).

Lê Hoàng Bảo